

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DSST
Ngày: 27-4-2022
*V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự về góp hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh,** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2643/2021/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2021; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-DS, ngày 13-4-2022;

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Chị Thạch Thị N R, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ủy quyền của chị N R: Ông Nguyễn T L, sinh năm 1956; Địa chỉ: số 38 Phan ĐPh, khóm 2, phường 7, thành phố Trà Vinh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Thạch Thị L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Anh Thạch Sa B, sinh năm 1997, Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

3. Bà Thạch Thị S, Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày:

Ngày 07/12/2019 DL, chị Thạch Thị N R có tổ chức khai rất nhiều dây hụi, bà tham gia 02 phần của 02 dây hụi số 01,02; Hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 10.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, mỗi dây có 15 phần, (danh sách hụi viên tên H-Đ); một tháng khai một lần; huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt. Đối với 02 dây hụi số 01,02 bà đóng hụi sống mỗi dây 08 lần, cụ thể dây hụi số 01 bằng 45.000.000 đồng, dây hụi số 02 bằng 45.000.000 đồng, đến lần khai thứ 09 chị N R úp hụi đồng loạt. Số tiền hụi sống bà yêu cầu là do chị N R ghi rồi bà làm đơn khởi kiện đúng với số tiền chị N R ghi tổng cộng bằng 90.000.000 đồng, còn số tiền hụi sống chị N R cung cấp bà đóng 02 dây hụi trên bằng 75.710.000 đồng, bà không đồng ý.

Sau khi úp hụi chị N R có trả trước cho bà bằng 30.000.000 đồng bà thống nhất cân trừ lại, nên 02 dây hụi số 01,02 bà yêu cầu chị N R trả bằng 60.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Ngày 06/4/2017 chị N R có tổ chức khai hụi, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại 5.000.000 đồng, có 13 phần, hụi vụ, bà tham gia 01 phần và bỏ thăm hốt hụi ở lần khai thứ 9. Sau khi hốt hụi bà đóng hụi chết đến lần khai thứ 10, cùng thời gian chị N R úp hụi đồng loạt nên không có khai tiếp, dây hụi còn 03 lần mới mãn.

Ở dây hụi này chị N R yêu cầu bà trả tiền hụi choàng 03 lần bằng 15.000.000 đồng bà không đồng ý. Tại gì từ tháng 5 năm 2020 các chủ hụi ở hai ấp Ô Trôm và Ô Trao úp hụi đồng loạt trong đó có chị N R nên các dây hụi chị N R không còn tổ chức khai tiếp, nếu chị N R chứng minh đã choàng đủ cho 03 người hụi viên còn sống thì bà đồng ý trả. Ở dây hụi này bà có liên hệ hỏi hụi viên còn sống chị N R chỉ choàng bà Sang bằng 5.000.000 đồng bà đồng ý trả, còn lại 02 phần chị N R chưa choàng cho ai nên bà không đồng ý trả, đối với hai phần hụi chết này bà đợi khi nào chị N R thực hiện xong nghĩa vụ với hai hụi viên còn sống bà đồng ý trả cho chị N R sau.

Bà Thạch Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại đơn phản tố trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị đơn chị Thạch Thị N R trình bày:

1. Ngày 07/12/2019 DL, chị N R có tổ chức khai rất nhiều dây hụi, trong đó bà Thạch Thị H có tham gia, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau:

Dây hụi số 01, loại hụi 10.000.000 đồng, chị N R có giao danh sách hụi viên cho bà H (tên H-Đ), có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt; 01 tháng khai 01 lần, bà H tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hụi sống bằng 37.760.000 đồng, đến lần khai thứ 09 chị N R úp hụi.

Dây hụi số 02, loại hụi 10.000.000 đồng, chị N R có giao danh sách hụi viên cho bà H (tên H-Đ), có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000

đồng/lần hốt, 01 tháng khai 01 lần, bà H tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hội sống bằng 37.950.000 đồng, đến lần khai thứ 09 chị N R úp hội.

Tổng cộng 02 phần hội trên bà H đóng hội sống bằng 75.710.000 đồng, số tiền hội này là những lần bỏ thăm hốt khai hội chị N R ghi lại theo dõi để thu tiền hội của các hội viên.

Nay bà H khởi kiện ở 02 dây hội trên bằng 90.000.000 đồng, số tiền này đúng là của chị N R cung cấp cho bà H, thời điểm úp hội do các hội viên làm áp lực rất lớn, chị N R cũng sợ xảy ra những tình huống xung đột, để ổn định tình hình tại nhà bà H chị N R tạm tính theo cảm tính mà không có căn cứ vào sổ sách khai hội chị đã ghi chép và cũng để làm tin cho bà H nên chị N R ghi số tiền hội sống ở 02 dây trên bà H đóng bằng 90.000.000 đồng, chị N R tính để cho tình hình đi vào ổn định sẽ căn cứ vào sổ hội của chị ghi để tính lại với bà H cho cụ thể, theo sổ sách của chị N R thì 02 phần hội trên bà H đóng hội sống bằng 75.710.000 đồng, chứ không phải 90.000.000 đồng như bà H yêu cầu.

Khi úp hội chị N R có trả trước cho bà H bằng 30.000.000 đồng và hai bên cũng đồng ý cân trừ, số tiền còn nợ lại bằng 45.710.000 đồng chị N R đồng ý trả.

2. Ngày 06/4/2017, chị N R có mở dây hội loại hội 5.000.000 đồng, hội vụ, có 13 phần, bà H tham gia 01 phần, từ lần khai hội thứ 01 đến lần khai thứ 8 bà H đóng hội sống đầy đủ, ở lần khai hội thứ 09 bà H bỏ thăm 2.880.000 đồng, số tiền bà H được nhận bằng 46.480.000 đồng đã trừ huê hồng, chị N R giao đủ tiền hốt hội cho bà H, sau khi hốt hội bà H đóng hội chết ở lần thứ 10, còn 03 lần mới mãn hội.

Ở lần khai thứ 11 bà Thạch Thị S (danh sách tên Sa R H) là người bỏ thăm hốt hội, chị N R choàng hội thay cho bà H bằng 5.000.000 đồng để giao tiền hội cho bà Sang và bà Sang có xác nhận cho chị N R nộp cho Tòa án.

Ở lần khai hội thứ 12 anh Thạch Sa B (danh sách tên Con bà Tr) là người bỏ thăm hốt hội, chị N R choàng hội thay cho bà H bằng 5.000.000 đồng để giao tiền hội cho anh B, do anh B không có mặt ở địa phương nên không có ký xác nhận cho chị N R.

Ở lần khai hội thứ 13 bà Thạch Thị L là người bỏ thăm hốt hội, chị N R choàng hội thay cho bà H bằng 5.000.000 đồng để giao cho bà L, do bà L không có mặt ở địa phương nên không có ký xác nhận cho chị N R.

Tổng cộng chị N R choàng hội cho bà H 03 lần bằng 15.000.000 đồng và yêu cầu bà H trả. Sau khi cân trừ số tiền còn lại chị N R đồng ý trả tiếp cho bà H, yêu cầu không tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Thạch Thị S trình bày: Ngày 06/4/2017, chị N R có tổ chức khai dây hội, loại hội 5.000.000 đồng, có 13 phần, hội vụ, bà tham gia 01 phần, ở dây hội này bà bỏ thăm hốt hội và chị N R có giao đủ tiền hội cho bà trong đó có phần hội của bà H và bà cũng có xác nhận cho chị N R. Bà không có yêu cầu để mọi người tự giải quyết.

Bà Thạch Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai bà Thạch Thị L trình bày: Ngày 06/4/2017, chị N R có tổ chức khai dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, có 13 phần, hụi vụ, bà tham gia 01 phần, dây hụi này bà bỏ thăm hốt hụi nhưng chị N R không có giao tiền hụi cho bà. Nay bà không có yêu cầu giải quyết phần hụi của bà với chị N R chung vụ kiện này để bà quyết sau, còn bà H tranh chấp với chị N R để hai người giải quyết.

Bà Thạch Thị L có đơn xin vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H có cung cấp cho Tòa án 02 danh sách hụi viên (photo); 01 miếng giấy tập học sinh ghi 2 Hương và số tiền tính tiền hụi (photo); chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu gia đình (bản photo); Bị đơn cung cấp danh sách hụi viên ngày 06/4/2017, loại hụi 5.000.000 đồng (photo).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H.

Buộc chị Thạch Thị N R trả cho bà Thạch Thị H tiền hụi sống bằng 60.000.000 đồng (Loại hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 07/12/2019, dây hụi số 01,02), bà H không yêu cầu tính lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Thạch Thị N R.

Buộc bà Thạch Thị H trả cho chị Thạch Thị N R tiền hụi choàng bằng 5.000.000 đồng (Loại hụi 5000.000 đồng, mở ngày 06/4/0217), chị N R không yêu cầu tính lãi.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Thạch Thị H và chị Thạch Thị N R thống nhất ngày 07/12/2019 DL bà H có tham gia 02 dây hụi số 01,02 và đóng được 08 lần hụi sống.

Bà Thạch Thị H và chị Thạch Thị N R thống nhất ngày 06/4/2017 DL bà H có tham gia 01 phần, loại hụi 5.000.000 đồng, bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần thứ 09, dây hụi đã khai đến lần thứ 10.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

- Bà Thạch Thị H yêu cầu chị Thạch Thị N R trả tiền hụi sống ở 02 dây hụi số 01, 02 bằng 60.000.000 đồng;

- Chị Thạch Thị N R đồng ý trả cho bà Thạch Thị H tiền hụi sống ở 02 dây hụi số 01,02 bằng 45.710.000 đồng;

- Chị Thạch Thị N R yêu cầu bà Thạch Thị H trả tiền hụi choàng bằng 15.000.000 đồng;
- Bà H đồng ý trả cho chị Thạch Thị N R tiền hụi choàng bằng 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần;

Ngày 30/9/2021 Tòa án ra quyết định nhập 02 vụ án thụ lý số: 2642 và 2643 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” thành 01 vụ án thụ lý số: 2643/2021/TLST-DS, ngày 21-01-2021.

Bà Thạch Thị H, bà Thạch Thị S và bà Thạch Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Anh Thạch Sa B trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án anh Sa B đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Sa B vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Sa B.

[2] Trong quá trình giải quyết bà H với chị N R có lời khai thống nhất vào ngày 07/12/2019 DL, chị N R có tổ chức khai dây hụi số 01,02, loại hụi 10.000.000 đồng, trong đó bà H tham gia 02 phần và đóng hụi sống đến lần thứ 08, ngoài ra bà H còn tham gia một phần hụi vụ, loại hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/4/2017, bà H bỏ tham hụi ở lần khai thứ 09, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu chị N R trả tiền hụi sống mà bà H đã đóng tổng cộng bằng 90.000.000 đồng, sau khi úp hụi chị N R có trả trước cho bà H bằng 30.000.000 đồng, nên số tiền còn lại bà H yêu cầu bằng 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị N R thừa nhận ở 02 dây hụi trên bà H đóng hụi sống tổng cộng bằng 75.710.000 đồng, không phải 90.000.000 đồng, khi úp hụi chị N R có trả trước cho bà H bằng 30.000.000 đồng, số tiền còn lại bằng 45.710.000 đồng, chị N R đồng ý trả.

Xét thấy, bà H cho rằng số tiền hụi sống của 02 dây hụi số 01,02 bà đóng bằng 90.000.000 đồng chị N R là người tính toán và ghi trong miếng giấy tập học sinh (bút lục số 33) cho nên bà khởi kiện đúng số tiền chị N R đã tính cho bà. Đối với chứng cứ bà H cung cấp Tòa án có sao gửi cho chị N R yêu cầu chị N R giải trình chứng cứ. Tại bản tự khai ngày 20/5/2021 của chị N R và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của chị N R trình bày, đối với số tiền hụi sống bà H khởi kiện ở 02 dây hụi trên bằng 90.000.000 đồng đúng là của chị N

R tính và cung cấp cho bà H, thời điểm úp hụi đồng loạt do các hụi viên làm áp lực và cũng để làm ổn định tình hình, nên tại nhà bà H chị N R tạm tính theo cảm tính của chị mà không có căn cứ vào sổ sách khai hụi chị đã ghi chép và cũng để làm tin cho bà H nên chị N R ghi số tiền hụi sống ở 02 dây trên bà H đóng bằng 90.000.000 đồng. Chị N R chờ tình hình ổn định sẽ căn cứ vào sổ hụi rồi tính lại với bà H, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày, việc ghi số tiền hụi sống cho bà H làm tin so với số tiền hụi sống chị N R ghi trong sổ có chênh lệch nhưng chị N R không có thông báo lại cho bà H biết.

Nay bà H khởi kiện chị N R căn cứ vào sổ hụi đã ghi chép thì 02 phần hụi trên bà H đóng hụi sống bằng 75.710.000 đồng, chứ không phải 90.000.000 đồng như bà H yêu cầu, quá trình giải quyết chị N R có yêu cầu xác minh những hụi viên đã bỏ thăm hụi sẽ biết được số tiền hụi sống mà bà H đóng đúng như chị trình bày.

Theo danh sách hụi viên ở 02 phần hụi trên thì ở lần khai thứ nhất do chị N R (chủ hụi) là người bỏ thăm hụi, những hụi viên còn lại qua xác minh đa số hụi viên đều trình bày có tham gia góp hụi do chị N R làm chủ đầu thảo mỗi người tham gia hơn 100 phần hụi, loại hụi khác nhau cho nên ở 02 dây hụi trên các hụi viên đều không nhớ đã bỏ thăm hụi ở lần khai thứ mấy và số tiền hụi bỏ thăm là bao nhiêu.

[4] Xét yêu cầu phản tố của chị N R yêu cầu bà H trả tiền hụi choàng bằng 15.000.000 đồng, loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 06/4/2017 và chị N R còn chứng minh tên của hụi viên mà chị choàng hụi gồm: bà Thạch Thị S, bà Thạch Thị L, anh Thạch Sa B.

Bà H thừa nhận có tham gia và đã hụi ở lần thứ 9, sau khi hụi bà H đóng hụi chết ở lần khai thứ 10 chị N R tuyên bố úp hụi, dây hụi còn 03 lần nữa mãi hụi, ở dây hụi này bà đồng ý trả phần hụi choàng ở lần hụi của bà Sang bằng 5.000.000 đồng, còn lại 02 phần hụi của bà L và anh Sa B là chị N R không có choàng hụi cho ai nên bà không đồng ý, bà sẽ giải quyết với chị N R sau khi chị N R thực hiện xong cho bà Lê và anh Sa B.

Tại biên bản ghi lời khai, bà Thạch Thị L trình bày, đối với phần hụi mở ngày 06/4/2017, loại 5.0000.000 đồng bà có bỏ thăm hụi nhưng chị N R không có giao tiền hụi cho bà. Riêng anh Thạch Sa B hiện tại không mặt ở địa phương, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh Sa B nên không xác định được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của các đương sự, tại phiên tòa ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp, đại diện ủy quyền của bị đơn không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh 02 dây hụi số 01,02 bà H đóng hụi sống bằng 75.710.000 đồng và chị N R cũng không chứng minh được 02 phần hụi chị đã choàng cho bà L và anh Sa B như nội dung chị yêu cầu phản tố. Cho nên chị N R phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố

của bị đơn chị Thạch Thị N R. Do các đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc nguyên đơn bà Thạch Thị H và bị đơn chị Thạch Thị N R phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 244, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui biêu phuong;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui biêu phuong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H.

Buộc chị Thạch Thị N R trả cho bà Thạch Thị H tiền hui song bang 60.000.000 đồng (Loại hui 10.000.000 đồng, mở ngày 07/12/2019 DL, đây hui số 01,02). Bà Thạch Thị H không yêu cầu tính lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Thạch Thị N R.

Buộc bà Thạch Thị H trả cho chị Thạch Thị N R tiền hui choàng bang 5.000.000 đồng (Loại hui 5000.000 đồng, mở ngày 06/4/2017). Chị Thạch Thị N R không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn chị Thạch Thị N R phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự (có yêu cầu phản tố không chấp nhận), nhưng được trừ vào số tiền 375.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002484, ngày 10-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị N R còn phải nộp tiếp 3.125.000 đồng.

Buộc bà Thạch Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự do chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị N R. Do bà Thạch Thị H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà H. Bà H không có nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm